TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST
Ngày 21/8/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Bùi Thị Qua và ông Nguyễn Quang Đạc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Hoàng Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** ông Ngô Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Vũ Thị Y, sinh năm 1992; số CCCD: 022192003535; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* anh Phạm Quang T, sinh năm 1986; số CCCD: 022086003544; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 01 năm 2026, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Vũ Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phạm Quang T chung sống với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 23/2012, việc chung sống và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với bố mẹ đẻ của anh T tại thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ninh), cuộc sống gia đình hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng làm nhà ở riêng tại thôn Đ, xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Đến đầu năm 2025, thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi cọ, chửi mắng nhau, không có tiếng nói chung, nhiều lần anh T xúc phạm, đe dọa chị dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một xa cách, chị cũng

đã có biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng anh T không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng cũng được bố mẹ hai bên hòa giải nhưng không thành. Đến nay, xét thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T

Về con chung: chị và anh T có hai con chung là Phạm Vũ Khôi V, sinh ngày 18/11/2013 và Phạm Vũ Khôi N, sinh ngày 16/10/2016 chị yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về khoản nợ chung: chị và anh T không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2026, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Quang T trình bày: bị đơn thống nhất về thời điểm chung sống, đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu về tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, anh thấy tình cảm vợ chồng còn tốt đẹp, anh không đồng ý ly hôn. Về con chung, thống nhất như chị Y trình bày. Trường hợp Tòa án có căn cứ xem xét giải quyết ly hôn, anh không đồng ý với yêu cầu của chị Y, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên và yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 5.000.000 đồng/một cháu/tháng. Về tài sản chung, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có tạo lập tài sản chung, nhưng anh không yêu cầu giải quyết. Về khoản nợ chung, không có.

* Về việc thu thập, tài liệu chứng cứ:

- Tại biên bản xác minh ngày 23/5/2026 về nguyên nhân phát sinh tranh chấp, đại diện cộng đồng dân cư thôn Đ, xã Q, tỉnh Quảng Ninh cung cấp về nguyên nhân cụ thể mâu thuẫn vợ chồng thì cộng đồng dân cư không rõ, nhưng vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng chưa nhờ hòa giải cơ sở.

- Tại Biên bản ghi nhận nguyện vọng của con chưa thành niên ngày 20/4/2026 các con chung Phạm Vũ Khôi V và Phạm Vũ Khôi N đều có nguyện vọng được sống với mẹ.

* Các sự kiện không phải chứng minh, tình tiết các đương sự đã thống nhất, như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: hai đương sự kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ninh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 23/2012.

- Về con chung: hai đương sự có hai con chung là Phạm Vũ Khôi V, sinh ngày 18/11/2013 và Phạm Vũ Khôi N, sinh ngày 16/10/2016.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: hai đương sự không có.

* Các tình tiết các đương sự không thống nhất:

- Hai đương sự không thống nhất ly hôn và không thống nhất việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 48, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 49, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Vũ Thị Y, xử cho chị Y được ly hôn anh Phạm Quang T. Về con chung, giao con chung Phạm Vũ Khôi N, sinh ngày 16/10/2016 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên, giao con chung Phạm Vũ Khôi V, sinh ngày 18/11/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, các bên không yêu cầu, về khoản nợ chung không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi dưỡng các con chung khi ly hôn do vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại thôn Đ, xã Q, tỉnh Quảng Ninh, căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị Y và anh Phạm Quang T trên cơ sở tìm hiểu đã cùng nhau chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ninh). Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mỗi bên đưa ra những nguyên nhân khác nhau, tuy nhiên đều thừa nhận vợ chồng không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Bị đơn không đồng ý ly hôn, tuy nhiên không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, việc không đồng ý ly hôn là miễn cưỡng, tại phiên tòa bị đơn cũng đã khẳng định việc không đồng ý ly hôn chỉ vì con cái, chứ không đảm bảo cuộc sống gia đình hạnh phúc về sau. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân

giữa chị Y và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cầu ly hôn của chị Y là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: hai đương sự có hai con chung là Phạm Vũ Khôi V, sinh ngày 18/11/2013 và Phạm Vũ Khôi N, sinh ngày 16/10/2016. Tại phiên tòa, nguyên đơn khẳng định quá trình nuôi dưỡng chăm sóc các con chung, cả hai đều có trách nhiệm như nhau, việc chị yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung là vì anh T đã từng nói anh không nuôi, không cấp dưỡng. Xét điều kiện về nghề nghiệp, thu nhập, chỗ ở, yêu cầu, ý kiến của các đương sự, nhằm đảm bảo toàn diện điều kiện vật chất cho các con chung. Hội đồng xét xử thấy việc giao cho mỗi bên nuôi dưỡng một con là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, hai đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung: hai đương sự không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về khoản nợ chung: hai đương sự trình bày không có.

[3] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị Y được ly hôn anh Phạm Quang T.

2. Về con chung: giao con chung Phạm Vũ Khôi N, sinh ngày 16/10/2016 cho chị Vũ Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Giao con chung là Phạm Vũ Khôi V, sinh ngày 18/11/2013 cho anh Phạm Quang T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về khoản nợ chung: không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn chị Vũ Thị Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001377 ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị Vũ Thị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này, được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 của Luật Thi hành án dân sự 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát KV4 - Quảng Ninh;
- Phòng THADSKV4 - Quảng Ninh;
- UBND xã Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đình Khoa